

Số: /QĐ-TTNDVN

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu:
Mua sắm hàng hoá PV.HMT – Gói số 12

TỔNG GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM NHIỆT ĐỐI VIỆT - NGÀ

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết việc sử dụng nguồn vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BQP ngày 24/11/2023 của Bộ Quốc phòng về việc Thông tư quy định một số nội dung về lựa chọn nhà thầu trong phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Quyết định số 4101/QĐ-TTNDVN ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tổng giám đốc Trung tâm nhiệt đối Việt - Nga, về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu: Mua sắm hàng hoá PV.HMT – Gói số 12;

Căn cứ Báo cáo ngày 15/12/2023 của Tổ thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm hàng hoá PV.HMT – Gói số 12;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hậu cần – Kỹ thuật và Trưởng phòng Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm hàng hoá PV.HMT – Gói số 12, với các nội dung sau:

1. Nội dung gói thầu: Mua sắm 15 danh mục hàng hóa (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

2. Đơn vị trúng thầu:

- Tên đơn vị trúng thầu: Hộ kinh doanh Cửa Hàng Hồ Quang Duy;

- Địa chỉ: Khu đô thị Tân Lập, phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh;

- Mã số thuế: 8095276689;

3. Giá trúng thầu: 242.765.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn), giá đã bao gồm thuế phí và các dịch vụ liên quan khác.

4. Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước năm 2023.

5. Thời gian thực hiện hợp đồng: 15 ngày.

6. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Điều 2. Giao cho Phân viện Hóa- Môi trường chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính, Phòng Hậu cần - Kỹ thuật căn cứ vào nội dung phê duyệt tại Điều 1 có trách nhiệm đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trình Tổng Giám đốc ký kết hợp đồng và hoàn thiện các thủ tục thanh quyết toán theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các đồng chí Phân viện trưởng Phân viện Hóa – Môi trường, Trưởng phòng Tài chính, Trưởng phòng Hậu cần – Kỹ thuật và các đồng chí liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- P TGD (để báo cáo);
- P TC, PV HMT;
- Lưu: VT, HCKT. P05.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Đại tá Phạm Duy Nam

Phụ lục
DANH MỤC HÀNG HÓA
GÓI THẦU: MUA SẮM HÀNG HÓA PV.HMT – Gói số 12

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTNDVN ngày tháng 12 năm 2023 của TTNDVN)

TT	Danh mục hàng hoá	Hãng/ Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thông số kỹ thuật
1	n-Hexan (1.04391.2500)	Merck, EU	Chai	9	2.847.000	25.623.000	Chai 2,5L, độ tinh khiết 98%, dùng cho HPLC.
2	Diclometan (1.06050.2500)	Merck, EU	Chai	9	1.500.000	13.500.000	Chai 1L, độ tinh khiết 99,8 %, dùng cho phân tích.
3	Axeton (1.00014.2500)	Merck, EU	Chai	10	1.125.000	11.250.000	Chai 2,5L, độ tinh khiết dùng cho phân tích.
4	Axit sulfuric (1.00731.1000)	Merck, EU	Chai	10	702.000	7.020.000	Chai 1lít, tinh khiết 95-97%, dùng cho phân tích.
5	Silicagel (1.07734.1000)	Merck, EU	Hộp	4	2.448.000	9.792.000	Hộp 1kg, kích thước 0,2-0,5 mm dùng cho phân tích
6	Nhôm oxit (1.01077.1000)	Merck, EU	Hộp	2	2.947.000	5.894.000	Hộp 1kg, chất hấp phụ chuyên dụng cho cột sắc ký.
7	Bình tam giác 250 mL (Đức) (212263603)	Duran, EU	Cái	20	105.000	2.100.000	Thiết kế độ dày thành bình đồng nhất phù hợp cho các ứng dụng nhiệt độ cao và có thể chịu lực tốt. Trên bình có thang chia vạch, dùng để pha trộn các chất lỏng trong phòng thí nghiệm thể tích 250 mL, chất liệu thủy tinh Đức
8	Chất chuẩn nội theo phương pháp EPA 1613B, Mã số EDE-8999	CIL, Mỹ	Ampul	2	26.282.000	52.564.000	Dung dịch có thể tích 0,5 mL, chứa 15 chất chuẩn ¹³ C của dioxin/furan được pha trong nonan, nồng độ mỗi chất là 100-200 ng/mL. Độ tinh khiết mỗi chất xấp xỉ 99% , được dùng để định lượng các chất ¹² C của dioxin/furan theo phương pháp US EPA 1613B

9	Chuẩn kiểm tra đường chuẩn (EDF-4141)	CIL, Mỹ	Ampul	1	34.396.000	34.396.000	Dung dịch có thể tích 0,2 mL, chứa các chất chuẩn ^{12}C , ^{13}C của dioxin/furan được pha trong nonan, nồng độ mỗi chất là 10-200 ng/mL. Độ tinh khiết mỗi chất xấp xỉ 99% , được dùng để kiểm tra đường chuẩn sau mỗi 12 giờ, xác định cửa sổ thời gian lưu, tính độ phân giải cột sắc ký theo phương pháp US EPA 1613B
10	Chất chuẩn xác định hiệu suất thu hồi (EDF-5999)	CIL, Mỹ	Ampul	1	11.555.000	11.555.000	Dung dịch có thể tích 0,5 mL, chứa chất chuẩn 1,2,3,4-TCDD và 1,2,3,7,8,9-HxCDD được pha trong nonan, nồng độ 200 ng/mL. Độ tinh khiết mỗi chất xấp xỉ 99% dùng để xác định hiệu suất thu hồi theo phương pháp US EPA 1613B
11	Chuẩn xây dựng đường chuẩn CS0.3 (0,2 mL), Mã số EDF-9999-0.5	CIL, Mỹ	Ampul	1	18.825.000	18.825.000	Bộ dung dịch gồm 1 ampul, mỗi ampul có thể tích 0,2mL chứa 17 đồng loại chất độc ^{12}C của dioxin/furan và 18 chất ^{13}C của dioxin/furan
12	Cột phân tích dioxin TG-DIOXIN (60m x 0,25 mm x 0,25 μm), 26066-1540	Thermo, Mỹ	Cái	1	37.103.000	37.103.000	Cột sắc ký khí mao quản có kích thước 60 m x 0,25 mm x 0,25 μm , chuyên dùng để phân tích dioxin/furan, các chất tương tự dioxin.
13	Axit nitric 225711	Aldrich Sigma Mỹ	Chai	1	6.921.000	6.921.000	Chai 475 mL Siêu tinh khiết dùng trong phân tích nguyên tố
14	Dung dịch chuẩn kim loại IV-STOCK-6-125ML	Inorganic, Mỹ	Chai	1	2.991.000	2.991.000	Chai 125 mL Hỗn hợp (30 nguyên tố) nồng độ 10 mg/L trong HNO_3

15	Găng tay nitril không bột (50 đôi/hộp)	Thái Lan	Hộp	3	1.077.000	3.231.000	Chất liệu găng bằng Nitrile, không bột -Công nghệ chống tia phóng xạ và chống hóa chất -Độ dày bàn tay 0,125/4,9 -Độ dày ngón tay 0,14/5
	Tổng					242.765.000	

Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn./.